| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LỤC NGẠN**<br>TỈNH BẮC GIANG | **CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **19**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/04/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Việt Hùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Giáp Văn Phẩm.

2. Bà Lý Thị Liên.

***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 356/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp "Hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 5 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th** - Sinh năm 1992. Có mặt*

*- Địa chỉ: Thôn N - xã P - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.*

** Bị đơn: Anh **Hoàng Văn T** - Sinh năm 1987. Vắng mặt*

*- Địa chỉ: Thôn N - xã P - huyện LN - tỉnh Bắc Giang.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2017 và những lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th, bản khai của bị đơn anh Hoàng Văn T và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị Th và anh Hoàng Văn T kết hôn với nhau vào năm 2010. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương. Đến năm 2013 chị Th anh T có đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện LN đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị Th, anh T về chung sống cùng nhau ngay và ở tại thôn N - xã P - huyện LN - tỉnh Bắc Giang. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2017 hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi nhau không có sự chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị Th còn cho rằng anh T thường xuyên chơi bời không quan tâm tới vợ con và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Nay chị Th xác đình tình cảm vợ chồng với anh T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Th, chị Th xin ly hôn anh không đồng ý, nếu chị Th kiên quyết ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Th anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Bảo A, sinh ngày 4/01/2014. Khi ly hôn chị Th đề nghị được nuôi con chung và không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh T đồng ý để chị Th nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Th, anh T xác nhận vợ chồng anh chị không tài sản chung, không liên quan vay nợ ai. Không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản công nợ.

Tại phiên Tòa chị Thvẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T, giao cho chị được nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Bảo An, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng, về tài sản công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ  Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Giao cho chị Nguyễn Thị Th nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Hoàng Bảo A. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí chị Th phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Hoàng Văn T. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Th anh T tự nguyện tìm hiểu và kết kết hôn với nhau vào năm 2010, đến năm 2013 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không ai còn quan tâm tới ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Th anh T mâu thuẫn là có thật, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình làm việc cũng như tại phiên Tòa ngày hôm nay chị Th kiên quyết ly hôn, không muốn quay về đoàn tụ với anh T. Anh T trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành các phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải về mâu thuẫn giữa chị Th anh T, cũng như về việc mở phiên tòa xét xử mặc dù đã được thông báo, tống đạt hợp lệ nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Anh T có trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn với chị Th, nhưng chị Th kiên quyết ly hôn anh đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Th đối với anh Hoàng Văn T. Cho chị Th được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị Th anh T có một con chung là cháu Hoàng Bảo A, sinh ngày 4/01/2014. Chị Th nhận nuôi con chung, không đề nghị anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, anh T đồng ý. Xét về điều kiện nuôi con hiện nay chị Th đang là giáo viên biên chế của nhà nước có mức thu nhập hàng tháng đủ để nuôi con. Do vậy cần giao cháu Hoàng Bảo A cho chị Th nuôi đưỡng là phù hợp với điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Th anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

**** Vì các lẽ trên.***

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

1. Cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Th nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Hoàng Bảo A, sinh ngày 4/01/2014. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn anh Hoàng Văn T được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được ngăn cản anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Th đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2016/003157 ngày 27/11/2017. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng  cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

***Nơi nhận:***
- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã P, huyện LN;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Việt Hùng**